

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2021/ HNGĐ - ST

Ngày: 07/ 9/ 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
2. Bà Dương Thị Phương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Mai – Thư ký TAND
thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Tạ Thị Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 335/2021/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H - Sinh năm 1976 – Có mặt
HKTT: SN 18 Lê Ngọc H, phường NT, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Phạm Thanh H1 – Sinh năm 1977 – Có mặt
HKTT và chỗ ở: SN 18 Lê Ngọc H, phường NT, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trịnh Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị H và anh Phạm Thanh H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2000.

Sau khi kết hôn anh, chị về chung sống cùng với gia đình anh H1 tại SN 18 Lê Ngọc H, phường NT, thành phố Thanh Hóa. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H1 chơi lô đề, cờ bạc dẫn đến kinh tế gia đình gặp khó khăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh H1 thường xuyên uống rượu say, về nhà chửi bới, đánh đập vợ con. Mặc dù chị đã cố gắng chịu đựng để cho cuộc sống được yên ổn và động viên khuyên nhủ anh H1 từ bỏ cờ bạc, nhưng anh H1 vẫn không thay đổi.

Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nên anh, chị đã sống ly thân nhau từ tháng 3 năm 2021 đến nay không ai quan tâm đến ai.

Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về con chung: Anh H1 và chị H có 02 con chung:

1. Cháu Phạm Lê M – sinh ngày 26/02/2001;
2. Cháu Phạm Đức A – sinh ngày 25/10/2004;

Ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đức A, còn cháu M đã thành niên, nên chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng đối với cháu M. Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai anh Phạm Thanh H1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh H1 trình bày thống nhất với trình bày của chị H về thời điểm kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian sống ly thân. Theo anh H1 thì thời điểm phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh H1 có nghi ngờ chị H ngoại tình. Anh H1 cũng thừa nhận anh H1 có đánh bạc thua lỗ hơn 100 triệu, nhưng anh, chị đã trả gần hết.

Quá trình sống ly thân, anh H1 đã nhiều lần nhắn tin, gọi điện cho chị H để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng chị H không nghe điện thoại và cũng không trả lời tin nhắn của anh H1.

Nay anh H1 có nguyện vọng đoàn tụ, nhưng do chị H không còn tình cảm với anh và không muốn đoàn tụ. Do đó anh H1 cũng đồng ý ly hôn với chị H. Nhưng anh yêu cầu chị H phải giao cho anh H1 100 triệu đồng như chị H đã hứa và yêu cầu chị H nói với cháu M(con trai anh H1) trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 18 Lê Ngọc H, phường N T, thành phố Thanh Hóa cho anh (vì trước đây anh đã ký tặng cho cháu M nhà và đất, nên hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cháu M và cháu M đang giữ). Sau khi đưa tiền và giấy chứng nhận cho anh xong thì anh sẽ ký thuận tình ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh H1 cũng thừa nhận anh, chị có 02 con chung như chị H trình bày là đúng.

Ly hôn anh không yêu cầu tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng đối với cháu M, còn cháu Đức A nếu cháu đồng ý ở với chị H thì anh cũng đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng, còn nếu cháu có nguyện vọng ở với anh H1 thì anh H1 có trách nhiệm nuôi dưỡng và anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, tại bản khai ngày 15/7/2021 cháu Phạm Đức A có nguyện vọng ở với mẹ, nếu bố mẹ cháu ly hôn.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương: Quá trình anh H1 và chị H sống tại địa phương thì có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 3 năm 2021 chị H không sống cùng anh H1 tại địa phương nữa và đã chuyển đi ở nơi khác. Nay chị H khởi kiện xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh H1 vẫn không đồng ý ly hôn.

Ý kiến của đại diện VKS:

- Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý đến quá trình xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện VKS đề nghị HĐXX:

Áp dụng: Điều 56; Điều 81; 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn H1.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Đức Anh con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H1 không phải đóng góp tiền nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ: Anh H1, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án Hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” các đương sự có hộ khẩu thường trú tại thành phố Thanh Hóa, là thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh H1 và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh, chị hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ tháng 3 năm 2021 đến nay. Trong thời gian ly thân anh đã nhiều lần nhắn tin, gọi điện cho chị H để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng chị H không nghe điện thoại và cũng không trả lời tin nhắn. Mặt khác quá trình hòa giải tại Tòa án, chị H không đồng ý đoàn tụ, vì xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không thể tồn tại nên chị cương quyết xin ly hôn, nên anh H1 cũng đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 luật HNGĐ xử cho anh chị H được ly hôn anh H1.

[2] Về con chung:

Đối với cháu Phạm Lê M, hiện nay cháu đã thành niên và anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng đối với cháu M. Nên HĐXX không xem xét.

Ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Đức Anh và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Đức A của chị H là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của cháu. Mặt khác hiện nay anh H1 làm bảo vệ tại khu 25 A, thu nhập mỗi tháng chỉ được khoảng 03 triệu, chưa đủ sinh hoạt cho bản thân. Nên HĐXX áp dụng Điều 81,82,83 luật

HNGĐ, giao cháu Phạm Đức A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh H1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh H1 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở;

[4] Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Đối với ý kiến của anh H1 yêu cầu chị H phải nói với cháu M phải đưa cho anh H1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 18 Lê N H, thành phố Thanh Hóa, mang tên cháu Phạm Lê M là con trai anh H1 và chị H (vì trước đây anh H1 đã đồng ý tặng cho cháu M toàn bộ diện tích đất của bố, mẹ anh H1 cho anh H1 tại 18 Lê Ngọc H, thành phố Thanh Hóa) và 100 triệu như đã hứa, thì anh mới đồng ý thuận tình ly hôn. Nhưng chị H không thừa nhận có việc hứa đưa cho anh H1 100 triệu đồng như ý kiến của anh H1, vì vợ chồng không có tài sản chung nên cả hai đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ. Còn đối với việc anh H1 yêu cầu chị phải nói với cháu M đưa cho anh H1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 18 Lê Ngọc H, phường N T, thành phố Thanh Hóa mang tên cháu M thì đây là quan hệ giữa cháu M với anh H1 chứ không liên quan đến chị.

HĐXX xét thấy: Trong vụ án này anh H1 và chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản và công nợ, nên ý kiến của anh H1 là việc riêng của anh chị và việc của anh H1 với cháu M, không liên quan trong vụ án này, nên không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì các bên được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi có đủ các điều kiện và tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS và Điểm a Khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 56; Điều 81; 82, 83 của Luật HNGĐ; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a Khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị H được ly hôn anh Phạm Thanh H1.
2. Về nuôi con chung: Anh H1 và chị H có 02 con chung:
 - Cháu Phạm Lê M – sinh ngày 26/02/2001;
 - Cháu Phạm Đức A – sinh ngày 25/10/2004;

Đối với Phạm Lê M – sinh ngày 26/02/2001 đã thành niên, anh H1, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng, nên không xem xét.

Giao cho chị Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Đức A – sinh ngày 25/10/2004. Anh Phạm Thanh H1 không phải đóng góp tiền nuôi con chung.

Anh H1 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở;

3. Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0012639 ngày 02/7/2021 của Chi cục THADS thành phố Thanh Hoá (Chị H đã nộp đủ tiền án phí).

Giành quyền cho anh Phạm Thanh H1 có quyền khởi kiện đối với khoản tiền 100 triệu anh yêu cầu chị Trịnh Thị H đưa cho anh và Giấy chứng nhận quyền sử dụng, sở hữu nhà ở tại 18 Lê N H, phường N T, thành phố Thanh Hóa mang tên Phạm Lê M bằng một vụ án khác, nếu có tranh chấp và khi có đủ các điều kiện, tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật.

Chị Trịnh Thị H, anh Phạm Thanh H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THADS TP Thanh Hoá;
- UBND p. Ngọc Trạo;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Lê Thị Hương